

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Số 72 Tản Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Điện Thoại: (0257) 3 823 666

Fax: (0257) 3 829 762

Website: www.mtdtphuyen.vn

2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

15

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông
6. Báo cáo phát triển bền vững

MỤC LỤC

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC 31

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39

1. Đánh giá về các mặt hoạt động
2. Đánh giá về hoạt động ban Giám đốc
3. Kế hoạch và định hướng

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY 45

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao khác

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 53

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán

HÌNH 1: BỐ TRÍ CÂY MẶT TIỀN TRỤ SỞ CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG



01

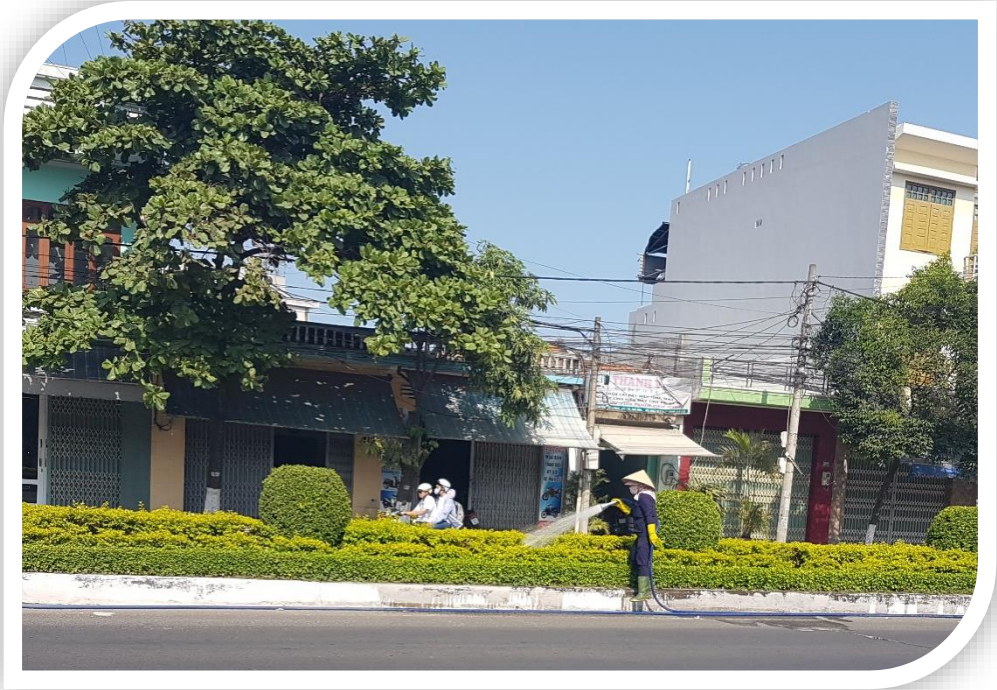
**THÔNG TIN KHÁI QUÁT
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO**



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN
Vốn điều lệ	61.430.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 72 Tân Đà, Phường 1, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Số điện thoại	(0257) 3 823 666
Số fax	(0257) 3 829 762
Website	www.mtdtphuyen.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 25/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 12/11/2014
Mã cổ phiếu	MPY







QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



17/11/1989

Công ty TNHH MTV
Môi trường Đô thị
Phú Yên tiền thân là
Công ty quản lý Nhà
và Công trình Đô thị
trực thuộc Sở Xây
dựng Phú Yên theo
quyết định
304/UB.TC của
UBND tỉnh Phú Yên.

28/09/1996

Thành lập doanh
nghiệp nhà nước:
Công ty Phát triển
Nhà và Công trình
đô thị. Vốn điều lệ
ban đầu
1.060.000.000

28/06/2006

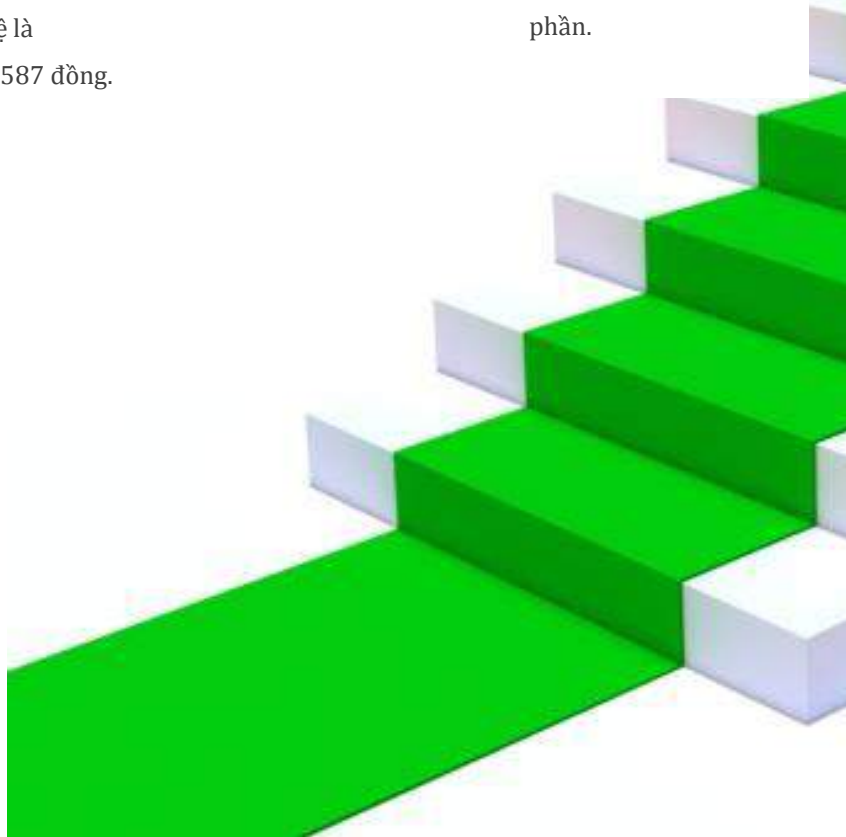
Chuyển đổi thành
Công ty TNHH MTV
Phát triển Nhà và
Công trình đô thị
thành phố Tuy Hòa.
Vốn điều lệ là
5.789.373.587 đồng.

2012

Chuyển đổi thành
Công ty TNHH MTV
Môi trường đô thị Phú
Yên.

2013

Chuyển đổi từ Công ty
TNHH MTV Môi
trường đô thị Phú Yên
100% vốn Nhà Nước
thành Công ty Cổ
phần.





07/11/2013

Lần đầu đấu giá cổ phiếu ra công chúng qua SGD Chứng khoán TPHCM, giá đấu thành công là 10.000 đồng/cổ phần.

31/12/2013

Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên.

01/2014

Công ty được Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, chuyển đổi Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Phú Yên thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên. Vốn điều lệ 61.430.000.000 đồng.

01/2017

Công ty được UBCK chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 187/UBCK-GSĐC ngày 10/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

04/2017

Công ty chính thức được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 76/2017/GCNCP-VSD với mã MPY số lượng đăng ký 6.143.000 cổ phần.





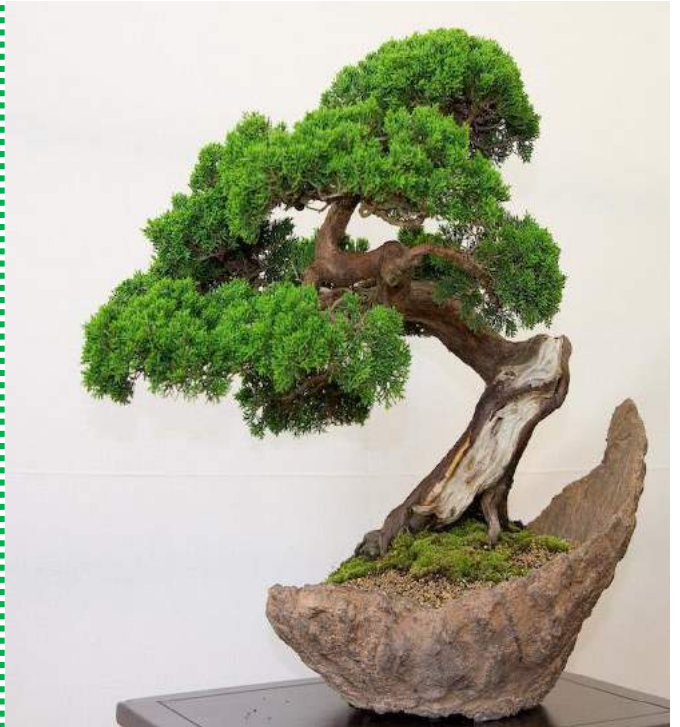
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Cung cấp dịch vụ công ích

- ✿ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác;
- ✿ Quản lý, chăm sóc hệ thống cây xanh công cộng;
- ✿ Duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng nội thành.

Hàng hóa, thành phẩm

- ✿ Sản xuất xe thu gom rác đẩy tay bằng chất liệu Sắt, to;
- ✿ Xây dựng học mộ để phục vụ mai táng;
- ✿ Sản xuất cây xanh thành phẩm;
- ✿ Sản phẩm: Bonsai, cây bụi, cây gỗ lớn, giỏ treo, hoa kiếng, sản phẩm môi trường và các sản phẩm khác.



Dịch vụ khác

Dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh, thi công các công trình cây xanh:

- ✿ Thi công công trình trồng hoa, cây cảnh, hệ thống tưới nước cây cho các cơ quan, công viên, quảng trường trong nội thành và các huyện lân cận;
- ✿ Tư vấn cho những khách hàng có nhu cầu về chăm sóc cây cảnh, trồng cây bonsai;
- ✿ Tư vấn về lập hồ sơ mời thầu; Dịch vụ thiết kế cây xanh đô thị, Công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiểm trúc cảnh quan;
- ✿ Phục vụ xe tang lễ, phục vụ an táng;
- ✿ Cho thuê xe tang, xe chở nước, cây cảnh trang trí hội nghị.
- ✿ Mua bán cây cảnh.
- ✿ Thiết kế đường phố.
- ✿ Thiết kế sân vườn.
- ✿ Thiết kế tiểu cảnh.



Địa bàn kinh doanh

Công ty thực hiện những công trình dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và khu vực lân cận của tỉnh Phú Yên.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức Công ty

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

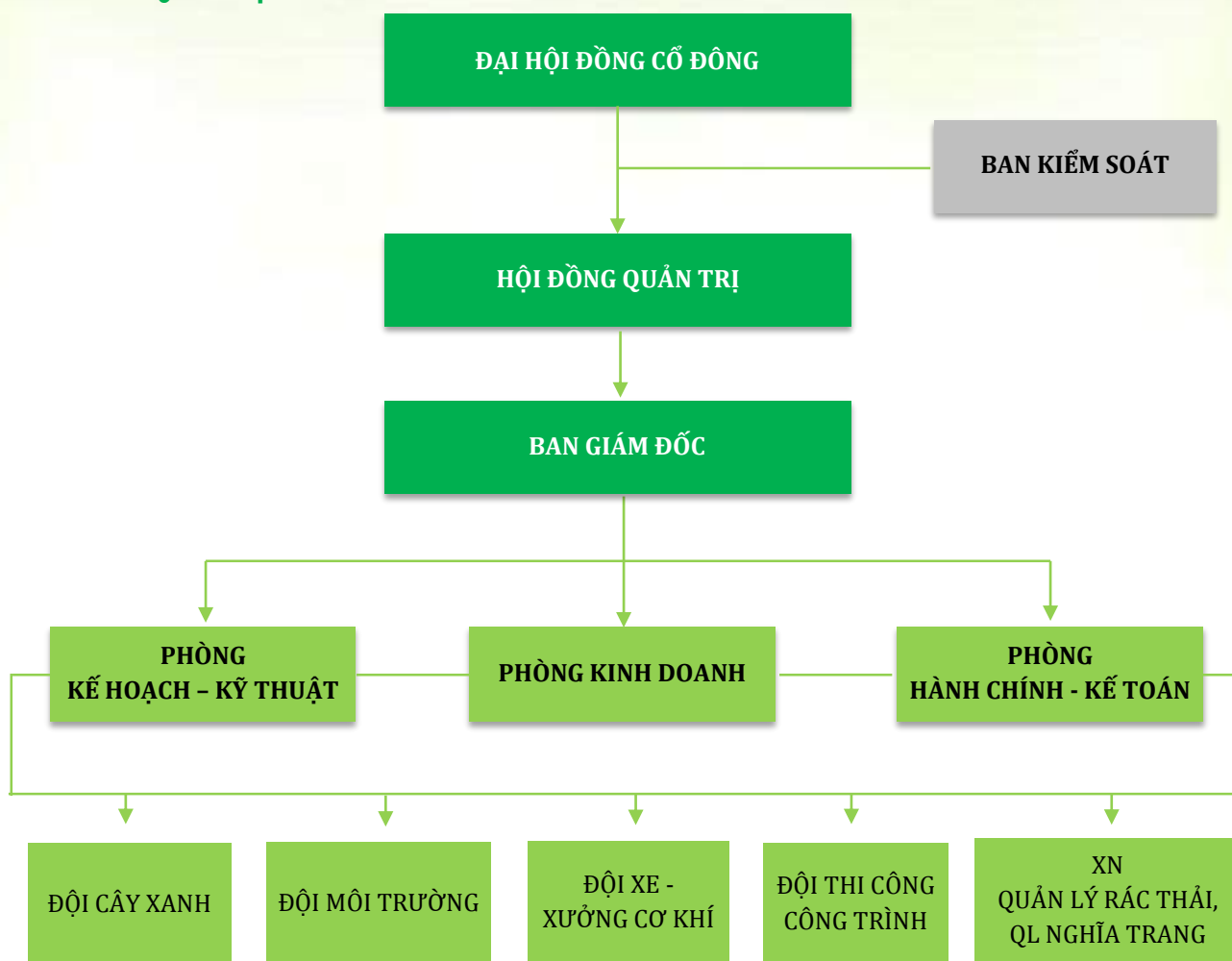
- ✿ Đại Hội đồng cổ đông;
- ✿ Hội đồng quản trị;
- ✿ Ban kiểm soát;
- ✿ Ban Giám đốc (01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc);
- ✿ Các Phòng ban chuyên trách và các xí nghiệp trực thuộc.

Các Công ty con, Công ty liên kết

Không có



Mô hình Quản trị





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

✿ Mục tiêu chủ yếu

Tiếp tục xây dựng hình ảnh thương hiệu không chỉ chuyên nghiệp, thân thiện mà còn mang lại cho khách hàng những lợi ích cộng hưởng từ MPY. Luôn đổi mới, hoàn thiện cải tiến dịch vụ cung cấp để mang lại hài lòng cho khách hàng. Tạo công ăn việc làm ổn định, môi trường làm việc năng động, thu nhập cao cho toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Trong tương lai sẽ là lựa chọn hàng đầu dành cho các tổ chức, chủ đầu tư trong lĩnh vực môi trường.

✿ Mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện,... Góp phần vào việc xây dựng thành phố Tuy Hòa xanh, sạch, đẹp và văn minh. Kết hợp cùng các cơ quan chức năng và địa phương trong công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng các giải pháp vận động người dân trong các hoạt động bảo vệ môi trường, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường từ các trường học.





* Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược đào tạo nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nội lực của công ty bằng việc chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, thực hiện những chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân người giỏi và thu hút nguồn lao động có chuyên môn.

Chiến lược về chất lượng sản phẩm dịch vụ

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có và triển khai mở rộng các loại dịch vụ này tới các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khó của khách hàng.

Chiến lược cạnh tranh

Lấy chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ khách hàng và giá thành hợp lý làm lợi thế cạnh tranh. Tập trung cải thiện chăm sóc khách hàng bằng cách tổ chức hội nghị khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp khách hàng nhằm hoàn thiện dịch vụ, sản phẩm của Công ty.

Chiến lược về khoa học công nghệ

Ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, cung ứng dịch vụ của công ty nhằm đảm bảo giá thành hợp lý, rút ngắn thời gian cung ứng, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Chiến lược tài chính

Tập trung thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư nhằm phát triển cơ sở vật chất, các thiết bị máy móc hoạt động trong lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Cân đối nguồn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính, phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty trong dài hạn.

Chiến lược đầu tư

Tập trung nguồn lực vào các ngành nghề chính của Công ty thuộc lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích. Ngoài ra, Công ty sẽ cân nhắc mở rộng đầu tư sang những lĩnh vực khác có liên quan nhằm đa dạng nguồn khách hàng, nâng cao doanh thu cho công ty.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, 2017 kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt, các chuyên gia kinh tế trên thế giới nhận định là năm mà nền kinh tế thế giới có bước tăng trưởng chung mạnh mẽ. Chưa khi nào kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu 2008-2009, các nền kinh tế lớn thế giới lại đồng thời phát đi dấu hiệu lạc quan như hiện nay. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2017 đạt 6,81%, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Môi trường kinh doanh trong những năm qua đã xuất hiện nhiều điều kiện thuận lợi, chính vì thế hoạt động giao thương được phục hồi và củng cố phát triển. Năm qua cũng được xem là thành công trong việc kiểm soát lạm phát, khi chỉ số CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016.

Với đặc thù là Công ty dịch vụ môi trường, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên sẽ tìm kiếm được những cơ hội mới từ sự đầu tư mở rộng kinh doanh của các Doanh nghiệp trong khu vực miền Trung, mở rộng nguồn khách hàng mới cho Công ty. Bên cạnh đó, khi nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, Công ty luôn theo sát những thay đổi từ kinh tế vĩ mô để có thể ứng phó kịp thời với những biến động.



Rủi ro đặc thù ngành

✿ Rủi ro sản phẩm

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty chịu sự kiểm soát về đơn giá đầu ra dịch vụ công ích do UBND tỉnh Phú Yên ban hành. Trong thời gian qua, đơn giá dịch vụ này liên tục giảm, đơn giá xử lý nước rỉ rác chưa được UBND tỉnh Phú Yên ban hành, trong khi đó, chi phí nhân công sẽ tăng do chính sách điều chỉnh lương cơ bản từ Nhà Nước.

✿ Rủi ro cạnh tranh

Trong thời gian tới, Nhà Nước khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu đối với các hợp đồng dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ. Điều này sẽ làm tăng tính cạnh tranh trong ngành, đòi hỏi Công ty phải liên tục cải tiến và xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng để nâng cao vị thế của Công ty, nhằm mục tiêu tạo dựng lợi thế cạnh tranh vững chắc so với các đối thủ.

Rủi ro phát luật

Là một công ty trong lĩnh vực dịch vụ môi trường vì vậy, chủ yếu Công ty chịu sự giám sát của Luật Bảo vệ môi trường. Mặc dù trong những năm qua, Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật khi chưa từng vi phạm trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên vẫn luôn ý thức cập nhật, nắm rõ những quy định của Nhà Nước để tránh gây hậu quả ảnh hưởng tới danh tiếng cũng hoạt động của công ty.

Rủi ro môi trường

Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động dịch vụ môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm xử lý nguồn nước rỉ rác đạt chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường để tránh ô nhiễm trong tương lai.

Những năm trở lại đây, Cộng đồng thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đặc biệt quan tâm về Môi trường, chính vì vậy chắc chắn trong thời gian tới các chính sách và quy định tuân thủ bảo vệ môi trường càng được thắt chặt. Vì vậy, công ty sẽ tiếp tục chủ động cập nhật và theo dõi thông tin kịp thời.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động Công ty còn đối mặt với những rủi ro mang tính khách quan khác như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn... mà hậu quả sẽ gây ra thiệt hại lớn đến hiệu quả kinh doanh.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu thuần

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	% tăng giảm
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng	Triệu đồng	40.914	40.453	-1,13%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ công trình	Triệu đồng	3.540	14.693	315,06%
3	Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ khác (*)	Triệu đồng	6.032	7.001	16,06%
	Tổng cộng	Triệu đồng	50.486	62.147	23,10%

(*): Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ khác gồm các dịch vụ: cho thuê nhà vệ sinh, cho thuê xe tang, chăm sóc cây xanh, bán cây thành phẩm, bán cộ rác thành phẩm...

Cơ cấu lợi nhuận gộp

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	% tăng giảm
1	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ công cộng	Triệu đồng	6.733	8.764	30,16%
2	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ công trình	Triệu đồng	1.151	1.392	20,94%
3	Lợi nhuận gộp cung cấp sản phẩm dịch vụ khác	Triệu đồng	4.898	4.733	-3,37%
	Tổng cộng	Triệu đồng	12.782	14.889	16,48%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Có thể thấy, đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên trong năm 2016 và năm 2017 là Dịch vụ công ích lần lượt đạt 40,91 tỷ đồng và 40,45 tỷ đồng, chiếm 81,04% và 65,09% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Tuy nhiên, doanh thu từ Dịch vụ công ích năm 2017 đã giảm 1,13% so với năm 2016. Trong khi đó lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ công cộng năm qua lại tăng 30,16% từ 6,73 tỷ đồng lên 8,76 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã có chính sách tối ưu nguồn nguyên liệu đầu vào. Nhìn chung, với tình hình Nhà Nước khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu đối với các hợp đồng dịch vụ công ích nhằm thu hút sự tham gia từ các doanh nghiệp tư nhân, nâng cao tính cạnh tranh và cải thiện chất lượng dịch vụ, khiến cho doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích ngày càng giảm mặc dù triển vọng ở ngành dịch vụ này là khá tốt. Việc quản lý chi phí, cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận vẫn là một thách thức lớn đối với Công ty.

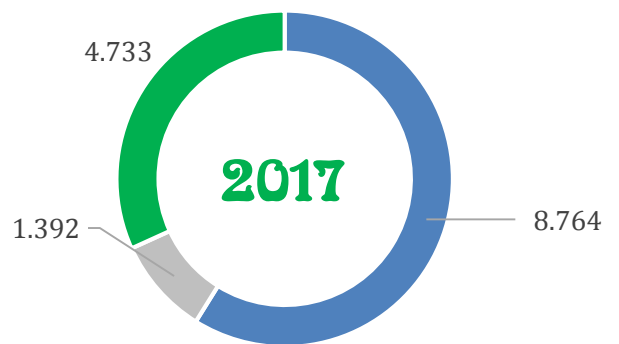
Doanh thu từ thi công công trình đạt 14,69 tỷ đồng tăng 315,06% so với năm 2016. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác cũng tăng trưởng, đạt 7,00 tỷ đồng, tăng 16,06% so với năm 2016 đến từ các hoạt động chăm sóc cây xanh và bán cây thành phẩm. Doanh thu từ các mảng dịch vụ năm nay hầu như đều tăng, đã góp phần cho sự tăng trưởng 23,10% của doanh thu thuần và 16,48% lợi nhuận gộp trong năm 2017.

Cơ cấu doanh thu thuần



- Doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ công trình
- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ khác

Cơ cấu lợi nhuận gộp



- Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ công cộng
- Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ công trình
- Lợi nhuận gộp cung cấp sản phẩm dịch vụ khác

**Danh sách Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Kim Toàn	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc
3	Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành

Không có

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Huỳnh Kim Toàn – Giám đốc		
Năm sinh	:	01/02/1959
Địa chỉ thường trú	:	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Trình độ chuyên môn	:	- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh (1996) - Cử nhân Sinh học - Đại học Đà Lạt (1983)
Quá trình công tác		
Từ năm 1983 đến năm 1990		Nhân viên Công ty Lương thực, Huyện Tuy Hòa
Từ năm 1990 đến năm 2002		Phó phòng kế hoạch UBND Thành phố Tuy Hòa
Từ năm 2002 đến 2013		Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến 2017		Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	:	3.149.762 tương đương 51,27% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	17.200 tương đương 0,28% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	3.132.562 (50,99%)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Giám đốc	
Năm sinh	: 10/02/1959
Địa chỉ thường trú	: TP Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng - Đại học Kiến trúc Hà Nội
Quá trình công tác	
Từ năm 1985 đến năm 2002	: Phó phòng Phòng Quản lý đô thị
Từ năm 2002 đến năm 2013	: Phó Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến năm 2017	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	: 1.323.705 tương đương 21,55% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	: 15.400 tương đương 0,25% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	: 1.308.305 tương đương 21,3% vốn điều lệ

Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền - Kế toán trưởng	
Năm sinh	: 03/03/1965
Địa chỉ thường trú	: TP Tuy Hòa, Phú Yên
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kế toán tổng hợp - Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh
Quá trình công tác	
Từ năm 1985 đến năm 1997	: Nhân viên Công ty Thương nghiệp Miền Núi Phú Yên
Từ năm 1998 đến năm 2013	: Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến năm 2017	: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	: 1.193.733 tương đương 19,43% vốn điều lệ
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	: 26.700 tương đương 0,43% vốn điều lệ
Số cổ phần đại diện sở hữu	: 1.167.033 tương đương 19% vốn điều lệ

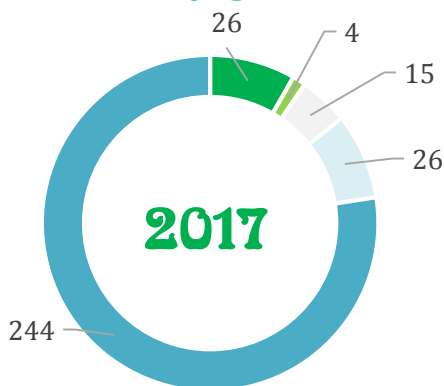


Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2017 là 315 người, trong đó:

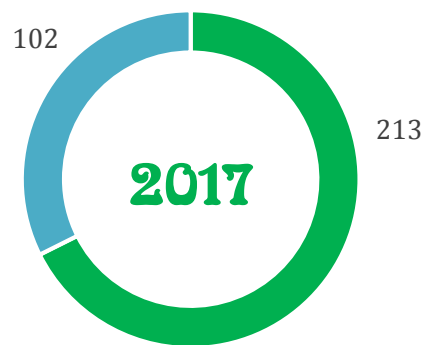
Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	315	100%
- Đại học và trên đại học	26	8,25%
- Cao đẳng	04	1,27%
- Trung cấp	15	4,76%
- Công nhân kỹ thuật có tay nghề	26	8,25%
- Chưa qua đào tạo	244	77,47%
2. Phân loại theo hợp đồng lao động	285	100%
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	03	0,95%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	227	72,06%
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	85	26,99%
- Hợp đồng lao động thời vụ	-	0%
3. Phân theo giới tính	315	100%
- Nam	213	67,62%
- Nữ	102	32,38%
Tổng số	315	100%

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Đại học và trên đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân kỹ thuật có tay nghề
- Chưa qua đào tạo

Cơ cấu lao động theo giới tính



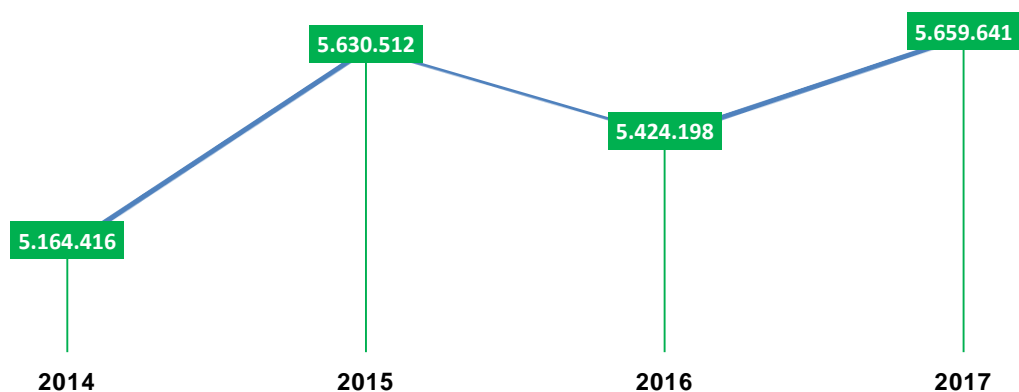
- Nam
- Nữ



Mức lương bình quân tính đến 31/12/2017

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.164.416	5.630.512	5.424.198	5.659.641

**MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN
(ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG)**





Chính sách nhân sự

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà Nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà Nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài:

Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân cán bộ công nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo:

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư trong năm 2017

STT	Nội dung dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (đồng)	Tình hình thực hiện trong năm
I	Mua sắm tài sản xe thiết bị chuyên dùng	10.500.000.000	8.908.245.455
1	03 xe thu gom rác từ 14-20m ³	7.000.000.000	6.280.972.727
2	01 xe quét hút bụi đường phố hiệu Bucher Citycat 1.000	2.000.000.000	1.763.636.364
3	01 máy ủi Komatsu D50P-18 (máy đã qua sử dụng)	1.000.000.000	863.636.364
4	01 xe tải nhẹ 3-5 tấn	500.000.000	
II	Duy tu bảo dưỡng bãi chôn lấp xử lý rác	2.497.000.000	1.893.608.217
1	Khắc phục sạt lở bãi rác trong mùa mưa bão năm 2016-2017	500.000.000	376.602.001
2	Đóng cửa ô lấp rác số 1	1.997.000.000	1.517.006.216



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Mã chứng khoán: MPY
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.143.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 126.000 cổ phiếu.

Trong đó: Cổ phần Người lao động mua theo cam kết làm việc tại CTCP: 126.000 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Cơ cấu cổ đông ngày 30/12/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	260	6.143.000	100,00%
	- Tổ Chức	2	5.627.900	91,64%
	- Cá nhân	258	515.100	8,36%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	0	0	0
	- Cá nhân	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	260	6.143.000	100,00%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/02/2017

STT	Cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCNDKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên		07 Độc Lập, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	5.607.900	91,29%
	Tổng cộng			5.607.900	91,29%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	70.880	73.292	3,40%
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	50.485	62.147	23,10%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	7.470	8.528	14,17%
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	(128)	(1.311)	923,19%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.342	7.217	-1,70%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.848	6.236	6,64%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	21,69	11,97
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	19,77	10,85
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	4,19%	6,81%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,37%	7,31%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	8,12	8,37
	Vòng quay Tài sản	Vòng	0,68	0,86
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,58	10,03%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,24	9,16%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,88	8,65%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,80	13,72%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2017 đều giảm so với năm 2016 và lần lượt đạt các mức 11,97 lần và 10,85 lần. Sự sụt giảm của 2 chỉ số này đến từ việc suy giảm của tài sản ngắn hạn và tăng lên của nợ ngắn hạn. Cụ thể hơn, trong năm 2017, tài sản ngắn hạn của MPY đã giảm 7,17% từ 64,37 tỷ đồng xuống còn 59,76 tỷ đồng. Nguyên nhân của việc giảm này chủ yếu do Phòng Quản lý đô thị thành phố Tuy Hòa đã thanh toán nợ khối lượng nhà nước đặt hàng dịch vụ công ích, làm cho khoản phải thu ngắn hạn của MPY giảm từ 41,35 tỷ đồng xuống còn 32,50 tỷ đồng. Trong khi đó nợ ngắn hạn của Công ty tăng lên 2,02 tỷ đồng (tăng 68,19%), trong đó chủ yếu do sự biến động của khoản phải trả người bán ngắn hạn khi đã tăng 1,43 tỷ đồng do trong kỳ MPY đã thực hiện giao dịch với Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa với giá trị 1,6 tỷ đồng. Ngoài ra với việc trích 1,90 tỷ đồng cho việc chi trả cổ tức đã làm cho khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi biến động. Do đó tác động mạnh đến các chỉ số thanh toán năm vừa qua. Các hệ số này ở mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành. Điều này thể hiện khả năng thanh toán trong năm qua của Công ty luôn được duy trì ổn định.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của MPY năm vừa qua tăng nhẹ khi hệ số Nợ/Tổng tài sản ở mức 6,81% khi tăng từ 4,19% so với cùng kỳ, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2017 đạt 7,31% tăng 2,94% so với 2016. Khoản mục nợ ngắn hạn năm vừa qua tăng 68,19%, trong khi các khoản mục tổng tài sản và vốn chủ sở hữu gần như không thay đổi so với năm 2016. Là nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu trong cơ cấu vốn đều tăng. Với cơ cấu vốn không có nợ dài hạn và các khoản vay tài chính, đã phần nào cho thấy sự ổn định và an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của MPY.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 đạt 8,37 vòng, tăng 0,25 vòng so với năm 2016. Do cả 2 khoản mục giá vốn hàng bán và hàng tồn kho bình quân có mức tăng trưởng tương đương nhau nên hệ số không biến động nhiều so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng 23,10% của doanh thu thuần, và sự ổn định của tình hình tài sản năm vừa qua đã làm cho Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân năm 2017 đạt 0,86 lần, tăng 0,18 lần so với năm 2016.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các tỷ số về khả năng sinh lời năm nay có những biến động nhất định so với cùng kỳ. Với mức tăng trưởng 315% của doanh thu mảng dịch vụ công trình đã góp phần cho sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế 2017 khi đạt 6,24 tỷ đồng tăng 6,64% so với năm 2016. Đồng thời 2 khoản mục tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lại không có biến động lớn đã làm cho tỷ số ROA, ROE năm nay tăng trưởng nhẹ, lần lượt đạt 8,65% và 9,16% tăng trưởng so với tỷ lệ 7,88% và 8,24%.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2017, Công ty chi hơn 17,08 tỷ đồng cho nguyên vật liệu thô và nhiên liệu phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ. Khoản chi phí này chiếm 34,41% tổng chi phí của Công ty. Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành các hệ thống máy móc chuyên dụng, thiết bị tại Xí nghiệp xử lý rác thải, cũng như giúp vận chuyển hàng hóa vật tư cây xanh, thu gom rác thải về bãi rác để xử lý, lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu, công ty đã sử dụng nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu từ điện năng, các loại xăng dầu,... Tổng chi phí sử dụng trong năm là 2.324.598.687 đồng, cụ thể như sau:

Nội dung	Tiêu thụ	Thành tiền (đồng)
Tổng xăng tiêu thụ (Lít)	7.736	125.159.810
Tổng dầu tiêu thụ (Lít)	152.062	1.936.545.781
Tổng nhớt tiêu thụ (Kg)	1.937	92.100.683
Tổng điện năng tiêu thụ (Kwh)	108.646	170.792.413

Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường sống, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Tiêu thụ nước

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)	Tỷ trọng
1	Gián tiếp	208	2,56%
2	Trực tiếp	7.928	97,44%
Tổng cộng		8.136	100%

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

- Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.
- Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động.
- Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.
- Những hoạt động cụ thể mà công ty đã thực hiện như: hoạt động đền ơn đáp nghĩa nuôi mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Khá ở thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, TP Tuy Hòa. Tinh thần tương thân tương ái trong CNVCLĐ quyết tâm góp thành lập quỹ tương trợ giúp cho các gia đình người lao động trong công ty có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vận động, ủng hộ, đóng góp các quỹ “Mái ấm công đoàn”, “Quỹ đền ơn, đáp nghĩa”, “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ bảo trợ trẻ em”; “Quỹ phụ nữ, trẻ em nghèo”, “Tấm lưới nghĩa tình Hoàng Sa, Trường Sa”, “Dự án Ngân hàng Bò của Hội Chữ thập đỏ”, hiến máu tình nguyện, ủng hộ đồng bào bị bão lụt.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Nhận thức chất lượng nguồn nhân lực là động lực phát triển lâu dài, Công ty đã có những chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.
- Cán bộ Công nhân viên chức Công ty được làm việc trong môi trường văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Công ty có chính sách tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.





BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

03



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2016	TH Năm 2017	KH Năm 2017	TH2017/TH2016	TH2017/KH2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	50.485	62.147	60.000	123,10%	103,58%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.342	7.217	8.000	98,30%	90,21%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.848	6.236	6.400	106,63%	97,44%

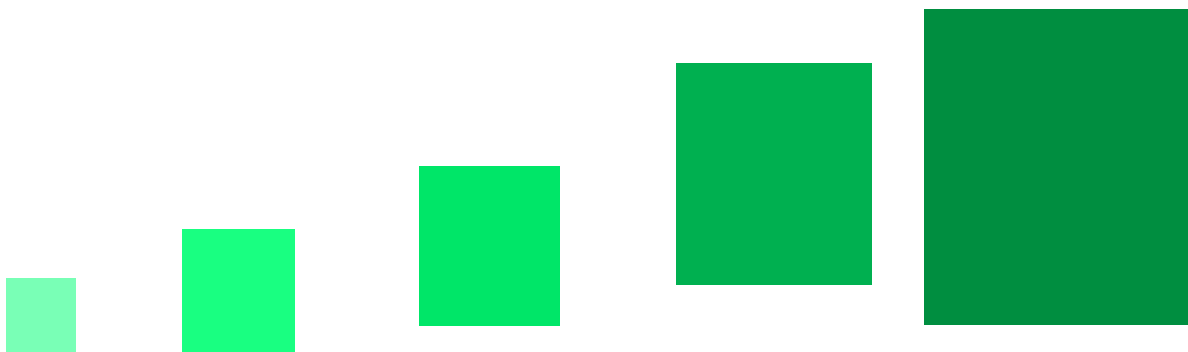
Trong năm 2017, kinh tế nước ta vẫn trong đà tăng trưởng nhanh hơn so với nền kinh tế toàn cầu, các xu hướng hội nhập quốc tế và việc Việt Nam ký kết các Hiệp ước thương mại tự do FTA đã mang lại những cơ hội cũng như thách thức đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa.

Với những chính sách, đường lối đổi mới của Nhà nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đã phần nào hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện cho thành phố Tuy Hòa nói chung và Công ty Môi trường Đô thị nói riêng có cơ hội phát triển và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của MPY năm 2017 đã được duy trì và tăng trưởng so với năm 2016



Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tận tình của các cấp lãnh đạo ở tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các ban ngành địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thành phố Tuy Hòa trở thành đô thị loại 2 năm 2013, cần đáp ứng để trở thành đô thị Xanh - Sạch - Đẹp bền vững, các huyện, thị trấn, xã trong tỉnh định hướng đến năm 2020 trở thành các thị xã, thị trấn mới, vì vậy Công ty có nhiều cơ hội để mở rộng và phát huy việc khai thác thêm các sản phẩm, dịch vụ trong ngành.
- Trong quá trình hoạt động cung cấp các sản phẩm dịch vụ, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm như tư vấn dịch vụ thu gom rác, sản xuất xe gom rác đẩy tay; tư vấn, thiết kế về mảng xanh đô thị, cảnh quan, tư vấn, thiết kế trồng các loại cây phù hợp với từng vùng khí hậu, thổ nhưỡng địa phương



Khó khăn

Thiết bị chuyên dùng như xe cuốn, ép rác quá cũ, hết thời gian sử dụng vì vậy không đáp ứng đủ năng lực thu gom rác trong toàn tỉnh, còn thiếu xe chuyên dụng như xe quét cát, hút bụi đường phố, xe rửa đường; vườn ươm cây xanh chưa đủ năng lực để cung cấp cây giống; đơn giá xử lý nước rỉ rác hiện nay chưa có, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội thường xuyên thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của Công ty.



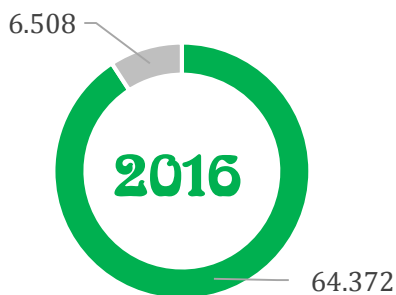
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	59.760	64.372	-7,16%
Tiền, các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	11.984	7.762	54,39%
Các khoản phải thu	Triệu đồng	41.136	50.170	-18,01%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	5.582	5.710	-2,24%
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	1.058	730	44,93%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	13.532	6.508	107,93%
Tài sản cố định	Triệu đồng	11.767	6.195	89,94%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	1.615	13	12323,08%
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	150	300	-50,00%
Tổng tài sản	Triệu đồng	73.292	70.880	3,40%

Tổng tài sản của Công ty năm 2017 là 73,29 tỷ đồng, tăng 3,40 % so với năm 2016 (70,88 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do sự tăng mạnh của tài sản dài hạn từ 6,5 tỷ đồng lên 13,53 tỷ đồng. Cụ thể tài sản cố định tăng từ 6,19 tỷ đồng lên 11,77 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc mua sắm phương tiện vận tải và máy móc thiết bị. Mặc dù tài sản ngắn hạn có giảm 7,16% từ 64,37 tỷ đồng xuống còn 59,76 tỷ đồng tuy nhiên tăng trưởng của tài sản dài hạn lớn hơn đã góp phần giúp tổng tài sản tăng trưởng trong năm 2017.

Cơ cấu tài sản



■ Tài sản ngắn hạn

■ Tài sản dài hạn

Cơ cấu tài sản



■ Tài sản ngắn hạn

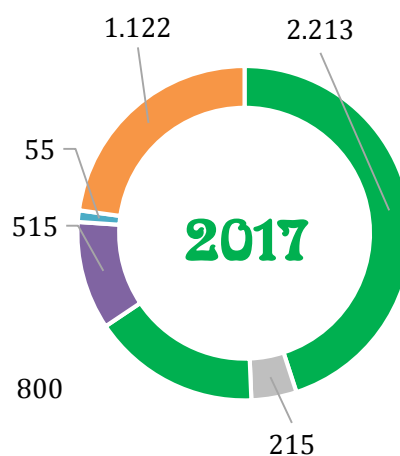
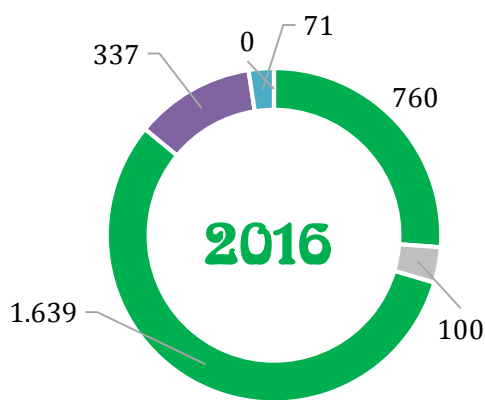
■ Tài sản dài hạn

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	2.968	4.991	68,16%
Phải trả người bán	Triệu đồng	760	2.213	191,18%
Người mua trả tiền trước	Triệu đồng	100	215	115,00%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	Triệu đồng	1.639	800	-51,19%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	337	515	52,82%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	71	55	-22,54%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	-	1.122	-
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	2.968	4.991	68,16%

Trong những năm qua, với chủ trương hoạt động không sử dụng nợ vay tài chính là nguyên nhân làm cho cơ cấu nợ của Công ty chỉ bao gồm các khoản phải trả và không có nợ dài hạn, do đó biến động của tổng nợ phải trả chỉ đến từ khoản mục nợ ngắn hạn. Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị đã làm tăng mục phải trả người bán từ 760 triệu đồng lên 2,21 tỷ đồng. Bên cạnh đó đã trích 1,90 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức, làm cho nợ phải trả năm 2017 của Công ty tăng 68,16% từ 2,97 tỷ đồng lên 4,99 tỷ đồng.

Cơ cấu nợ ngắn hạn



- Phải trả người bán
- Phải trả người lao động

- Người mua trả tiền trước
- Chi phí phải trả ngắn hạn

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước
- Quỹ khen thưởng phúc lợi





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Xây dựng Quy định Hệ thống thang bảng lương cho Công ty cổ phần, định mức lao động, đơn giá tiền lương, và quy chế trả lương Công ty, hướng đến việc đảm bảo trả công lao động theo hiệu suất lao động, hiệu quả công việc.
- Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa và phát hiện sai sót kịp thời.
- Tiến hành rà soát, đánh giá lại hoạt động của các phòng ban, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận để sắp xếp lại nhân sự sao cho phù hợp với chuyên môn, năng lực, nhằm phát huy khả năng của người lao động, hướng đến cải thiện chất lượng nguồn nhân lực cho Công ty.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định tình hình năm 2018

- Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành kinh tế. Cùng vị thế có được từ cơ quan ban ngành địa phương, tạo nên những điều kiện thuận lợi cho Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên trong việc giữ vững vị thế đầu ngành tại thành phố Tuy Hòa, cũng như đẩy mạnh hoạt động kinh ra các khu vực lân cận.
- Mục tiêu được Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thống nhất đưa ra cho hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	KH 2018/ TH 2017
1	Doanh thu	Triệu đồng	62.147	67.000	107,81%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.217	8.000	110,85%
3	Lao động bình quân	Người	285	299	104,91%
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	5.659	6.163	108,91%

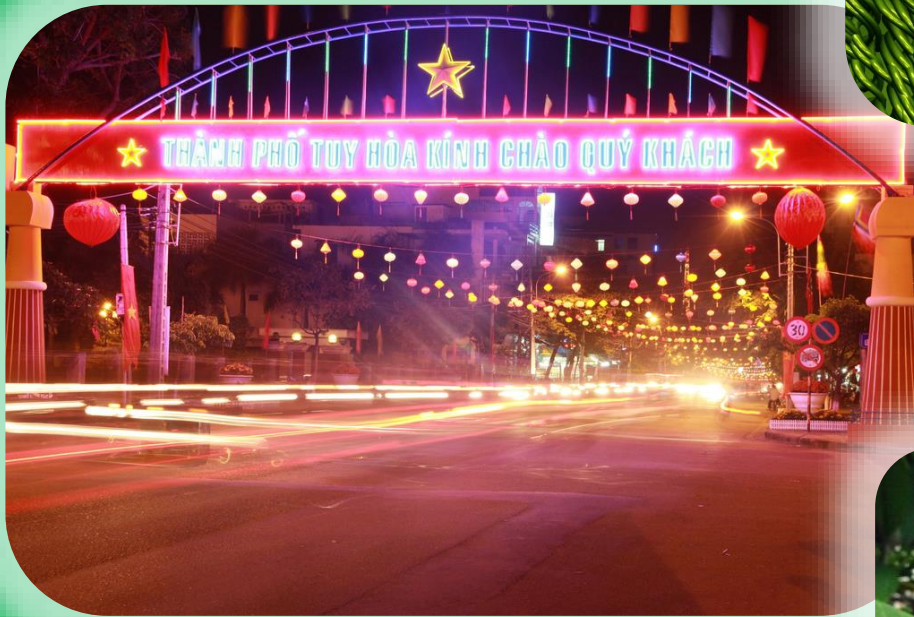
- Kế hoạch kinh doanh năm 2018 được xây dựng doanh thu đạt 107,81% so với năm trước chủ yếu do chiến lược phát triển sắp tới sẽ đẩy mạnh mở rộng địa bàn hoạt động cung cấp dịch vụ công ích đến các huyện, thị xã trong toàn tỉnh Phú Yên.
- Năm 2018 UBND tỉnh Phú Yên tổ chức xúc tiến quảng bá Thương mại và Du lịch kêu gọi các nhà đầu tư đến Phú Yên. Là cơ hội để Công ty tham gia đấu thầu thi công các công trình về cây xanh.

Biện pháp

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cán bộ công nhân viên nhằm mục đích cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững lợi thế cạnh tranh cho Công ty.
- Sắp xếp, kiện toàn lại các phòng chức năng, các bộ phận sản xuất nhằm đảm bảo sự chuẩn bị tốt nhất, sẵn sàng tham gia đấu thầu các công trình, dự án mới trong thời gian tới.

Nâng cấp các công trình phục vụ cho cán bộ, công nhân viên nhằm mang lại môi trường làm việc thoải mái và an toàn, góp phần nâng cao năng suất làm việc của người lao động trong Công ty.

- Mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh khác dựa trên thế mạnh của Công ty như vệ sinh môi trường, xử lý rác thải sinh hoạt, thi công các Công trình trồng cây xanh, sản xuất và kinh doanh cây, hoa kiểng,...
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

04



**ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG**



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Về hoạt động kinh doanh

Mặc dù tình hình kinh tế năm vừa qua có tăng trưởng nhưng vẫn còn tồn tại những biến động từ tình hình chính trị và kinh tế thế giới, các bất ổn và khó khăn luôn có tác động đến kinh tế các nước mở cửa và hội nhập như Việt Nam. Tuy nhiên, các tác động này không ảnh hưởng quá nhiều đến Công ty. Trong năm đầu tiên đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đã tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh khả quan, với doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Doanh thu thuần Công ty thực hiện đạt mức 62,15 tỷ đồng, vượt 3,58% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt được 6,24 tỷ đồng, đạt 97,44% so với kế hoạch.

Về hoạt động liên quan đến môi trường, cộng đồng

Công ty đã thực hiện tốt chính sách về môi trường, góp phần xây dựng vẻ đẹp đô thị cho thành phố Tuy Hòa. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm cán bộ, công nhân viên bằng các hoạt động đi dã ngoại tham quan, nghỉ mát để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên văn phòng Công ty luôn trong tình trạng thoải mái, tối đa năng suất làm việc.

Về hoạt động đầu tư

Trong năm 2017, Công ty đã đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ sở vật chất theo kế hoạch đã đề ra và thu được những kết quả sau:

- Mua sắm mới 03 xe ép rác; 01 xe hút bụi, quét cát đường phố; 01 máy ủi;
- Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1, khắc phục sạt lở bãi rác do bão lụt 2016-2017.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC

- Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2017, Ban Giám đốc đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Giám đốc cũng triển khai kịp thời các chỉ thị Nghị quyết của HĐQT ban hành và đồng thời tổ chức các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động.
- Hội đồng quản trị cũng thường xuyên theo dõi, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.





KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

STRATEGY

- Duy trì và phát triển hoạt động dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh, đồng thời mở rộng địa bàn phục vụ ra ngoài thành phố, tăng cường việc nhận thi công các công trình trồng cây xanh để tăng doanh thu, tạo việc làm cho công nhân, và nâng cao uy tín của công ty với các đối tác.
- Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển, xử lý rác, các loại xe chuyên dụng để đáp ứng nhu cầu mở rộng địa bàn thu gom, vận chuyển rác đến các huyện lân cận đồng thời thay thế các phương tiện cũ hết niên hạn sử dụng theo quy định. Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo và huấn luyện nguồn nhân lực để đáp ứng định hướng phát triển của công ty.
- Nâng cấp vườn ươm, đầu tư các chủng loại cây giống mới, phù hợp với từng vùng khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh Phú Yên, khu vực Miền trung.
- Đầu tư, mở rộng bộ phận nguyên cứu, thiết kế, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, để khai thác các mảng dịch vụ vệ sinh môi trường và trồng cây xanh, cảnh quan tại các huyện lân cận như huyện Đông Hòa thành thị xã công nghiệp đô thị loại IV vào năm 2019-2020. Phát triển các thị trấn mới Phú Thứ (Tây Hòa); Hòa Định Đông (Phú Hòa); Hòa Vinh, Hòa Hiệp Trung (sau trở thành 2 phường của thị xã Đông Hòa); Vân Hòa (huyện mới) và An Mỹ (Tuy An).



QUẢN TRỊ CÔNG TY

05



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO KHÁC**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Kim Toàn	Chủ tịch HĐQT	04	100%	-
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	04	100%	-
3	Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền	Thành viên HĐQT	04	100%	-

Sơ yếu lý lịch HĐQT

Ông Huỳnh Kim Toàn – Chủ tịch HĐQT (Xem phần lý lịch Ban Điều hành)

Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT (Xem phần lý lịch Ban Điều hành)

Bà Đỗ Thị Ngọc Huyền - Thành viên HĐQT (Xem phần lý lịch Ban Điều hành)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị



Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số 04/NQ-ĐKCK	0//01/2017	Về việc đăng ký chứng khoán tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán của Công ty Đại chúng chưa niêm yết (UpCom)
02	Số 05/NQ-ĐHCĐ	30/06/2017	Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú yên
03	Số 01/QĐ-HĐQT	16/02/2017	Về việc phê duyệt dự toán Hạng mục: Mua xe ủi rác để thực hiện ủi bãi rác thải Thọ Vực
04	Số 02/QĐ-HĐQT	18/02/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Mua xe ủi rác để thực hiện ủi bãi rác thải Thọ Vực
05	Số 03/QĐ-HĐQT	21/02/2017	Về việc chỉ định thầu Mua xe ủi rác để thực hiện ủi bãi rác thải Thọ Vực
06	Số 04/QĐ-HĐQT	15/04/2017	Về việc phê duyệt dự toán Công trình bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa; Hạng mục làm kè bê tông đá 1x2 M250 chống sạt lở bề lảng
07	Số 05/QĐ-HĐQT	18/04/2017	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa; Hạng mục làm kè bê tông đá 1x2 M250 chống sạt lở bề lảng
08	Số 06/QĐ-HĐQT	19/04/2017	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu; Gói thầu số 02: Toàn bộ phần xây lắp Công trình bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa; Hạng mục làm kè bê tông đá 1x2 M250 chống sạt lở bề lảng
09	Số 06A/QĐ-HĐQT	19/04/2017	Về việc chỉ định thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình; Hạng mục: Đóng cửa ô chôn lấp số 1; Dự án; Duy bảo dưỡng bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa
10	Số 07/QĐ-HĐQT	09/05/2017	Về việc chỉ định gói thầu số 02: Toàn bộ phần xây lắp Công trình bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa; Hạng mục làm kè bê tông đá 1x2 M250 chống sạt lở bề lảng
11	Số 08/QĐ-HĐQT	06/11/2017	Về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản bị thiệt hại do bão số 12 ngày 4/11/2017



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Tiến	Trưởng BKS	04	100%	-
2	Ông Ung Trọng Hiệu	Thành viên	04	100%	-
3	Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	04	100%	-

Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tiến - Trưởng BKS		
Năm sinh	:	25/04/1964
Địa chỉ thường trú	:	Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác		
Từ năm 1985 đến năm 2002		Nhân viên Công ty Thương nghiệp Miền Núi Phú Yên
Từ năm 2003 đến năm 2013		Kế toán tổng hợp – Phó phòng kế toán – Tài vụ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến năm 2017		Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	:	14.100 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0.23%
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Ung Trọng Hiệu - Thành viên		
Năm sinh	:	25/02/1978
Địa chỉ thường trú	:	TP Tuy Hòa, Phú Yên
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư lâm nghiệp – Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh
Quá trình công tác		
Từ năm 2002 đến năm 2011	:	Nhân viên Hạt Kiểm Lâm Huyện Sơn Hòa
Từ năm 2011 đến năm 2013	:	Nhân viên Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến năm 2017	:	TV Ban Kiểm soát – Đội phó Đội Cây Xanh - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	:	1.000 cổ phiếu
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0,02%
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0

Ông Nguyễn Quang Nguyên - Thành viên		
Năm sinh	:	20/10/1982
Địa chỉ thường trú	:	TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Cầu đường - Đại học Giao thông Vận tải cơ sở 2
Quá trình công tác		
Từ năm 2005 đến năm 2013		Nhân viên Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên
Từ năm 2013 đến năm 2017		TV BKS - Nhân viên Phòng kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên
Số cổ phiếu nắm giữ	:	5.800
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	:	0,09%
Số cổ phần đại diện sở hữu	:	0





BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá về các mặt của Công ty

Ban kiểm soát nhận thấy:

- Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Hình thức kế toán áp dụng theo phương pháp “ Nhật ký chứng từ”
- Các chứng từ kế toán được sắp xếp gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.
- Đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Việc chấp hành các qui định của pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào công ty qua các chỉ tiêu sau đây:
 - Trong năm công ty đầu tư mua sắm TSCĐ theo đúng qui định;
 - Không có huy động vốn để chi cho đầu tư xây dựng cơ bản; Công ty tự thực hiện công trình: Bãi chôn lấp rác thải công cộng thành phố Tuy Hòa; Hạng mục :Đóng cửa ô chôn lấp số 01 :Gói thầu số 03 toàn bộ phần xây lấp và mua thiết bị.
 - Không huy động vốn cũng như phát hành trái phiếu, cổ phiếu;
 - Không có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.



Hoạt động của Ban kiểm soát

Kết quả giám sát của HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo qui định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
- Hoạt động của HĐQT phù hợp với qui định pháp luật (và công ty) đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

Kết quả giám sát của Ban giám đốc

- Ban giám đốc cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết và Quyết định HĐQT để ra đem lại hiệu quả trong kinh doanh đồng thời tăng cường công tác kiểm tra giám sát quản lý tài chính, quản lý nhân sự.
- Trong năm 2017, Công ty thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng vốn, chấp hành các qui định pháp luật nhà nước.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương
Ban điều hành			
Huỳnh Kim Toàn	Giám đốc	-	27.255.000 đ/tháng
Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc	-	22.869.000đ/tháng
Đỗ Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng	-	20.691.000 đ/tháng
Ban Kiểm soát			
Nguyễn Thị Tiến	Trưởng BKS	-	20.691.000 đ/tháng
Ung Trọng Hiệu	Thành viên	4.138.200đ/tháng	-
Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	4.138.200đ/tháng	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định về quản trị Công ty.





06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số: 017/2018/BCKT-HCM.00933

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Phú Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Số liệu đầu năm được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 02 năm 2017.



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AFC VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2018



NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.759.914.442	64.372.370.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.984.157.686	7.762.423.357
Tiền	111		7.484.157.686	7.762.423.357
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.136.022.321	50.170.325.083
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.291.127.150	44.781.929.411
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		157.217.500	1.320.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.833.254.396	4.213.972.397
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(145.576.725)	(145.576.725)
Hàng tồn kho	140	V.6	5.581.982.625	5.709.977.350
Hàng tồn kho	141		5.581.982.625	5.709.977.350
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.057.751.810	729.644.513
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	560.575.446	710.269.880
Thuế GTGT được khấu trừ	152		198.555.299	18.867.633
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	298.621.065	507.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.532.157.239	6.507.759.072
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Tài sản cố định	220		11.766.760.153	6.194.730.020
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11.766.760.153	6.194.730.020
Nguyên giá	222		48.885.467.624	39.908.222.169
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.118.707.471)	(33.713.492.149)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.615.278.943	12.790.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.615.278.943	12.790.909
Tài sản dài hạn khác	260		150.118.143	300.238.143
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	150.118.143	300.238.143
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.292.071.681	70.880.129.375



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.991.472.460	2.967.691.187
Nợ ngắn hạn	310		4.991.472.460	2.967.691.187
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.213.163.293	760.445.984
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		215.000.000	100.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	800.302.301	1.639.188.175
Phải trả người lao động	314		514.883.779	336.872.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55.000.000	70.948.182
Phải trả ngắn hạn khác	319		70.317.547	60.235.893
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.12	1.122.805.540	-
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.300.599.221	67.912.438.188
Vốn chủ sở hữu	410	V.13	68.300.599.221	67.912.438.188
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.430.000.000	61.430.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.430.000.000	61.430.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		634.681.479	634.681.479
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.235.917.742	5.847.756.709
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.235.917.742	5.847.756.709
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.292.071.681	70.880.129.375



NGUYỄN THỊ ĐÀO TRÂM
Người lập biểu



ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng




HUỶNH KIM TOÀN
Tổng Giám đốc

Phú Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		62.147.057.345	50.485.499.361
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	VI.1	62.147.057.345	50.485.499.361
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.258.081.505	37.704.040.863
Lợi nhuận gộp	20		14.888.975.840	12.781.458.498
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.785.506	204.989.788
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.377.670.701	5.516.492.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		8.528.090.645	7.469.956.088
Thu nhập khác	31		3.000.000	500.000
Chi phí khác	32	VI.5	1.313.793.968	128.608.161
Lợi nhuận khác	40		(1.310.793.968)	(128.108.161)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.217.296.677	7.341.847.927
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	981.378.935	1.494.091.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.235.917.742	5.847.756.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	705	877

NGUYỄN THỊ ĐÀO TRÂM
Người lập biểu

ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng



HUYỀN KIM TOÀN
Tổng Giám đốc

Phú Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.217.296.677	7.341.847.927
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.405.215.322	3.806.980.804
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.785.506)	(204.989.788)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	10.605.726.493	10.943.838.943
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	7.806.832.596	10.451.410.238
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	127.994.725	(2.130.030.047)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.372.043.479	112.972.399
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	299.814.434	15.443.865
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.435.071.830)	(2.202.250.246)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.930.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(662.281.585)	(372.631.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.120.988.312	16.818.753.952
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.972.233.489)	(1.332.790.909)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.785.506	204.989.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.955.447.983)	(1.127.801.121)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.943.806.000)	(10.413.646.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.943.806.000)	(10.413.646.273)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	4.221.734.329	5.277.306.558
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	7.762.423.357	2.485.116.799
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	11.984.157.686	7.762.423.357

NGUYỄN THỊ ĐÀO TRÂM
Người lập biểu

ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng



HUỖNH KIM TOÀN
Tổng Giám đốc

Phú Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình điện chiếu sáng, trạm biến áp và lưới điện trung và hạ thế, thi công, nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước và công trình đô thị, công trình giao thông, cống rãnh vỉa hè; Sản lắp mặt bằng; Quản lý công viên, vệ sinh và bảo vệ môi trường; Dịch vụ phục vụ tang lễ; Mua bán hoa và cây xanh; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, xe cơ giới, các loại xe thô sơ chuyên dùng; Duy tu và bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng đô thị; Mua bán thiết bị vệ sinh môi trường, vật tư cấp thoát nước; Vận chuyển chất thải, rác thải; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lập hồ sơ mời thầu; Dịch vụ tư vấn thiết kế cây xanh đô thị, công viên, quảng trường, kiến trúc xanh, kiến trúc cảnh quan (hoạt động công ích); Dịch vụ tư vấn phát triển, quản lý đô thị; Tư vấn dự án về môi trường, hạ tầng đô thị, mô hình thu gom xử lý rác thải sinh hoạt và các dịch vụ hạ tầng đô thị khác; Sản xuất, mua bán, tiêu thụ phân compost; Trồng hoa, cây cảnh; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Ươm giống cây lâm nghiệp; Trồng rừng, chăm sóc cây lấy gỗ và cây rừng khác; Khai thác lâm sản (trừ gỗ và động vật sống);

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Không quá 12 tháng.
5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính của năm trước.
6. Nhân viên: Tại ngày 31/12/2017, tổng số nhân viên của Công ty là 292 người (tại ngày 31/12/2016 là 286 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
1. Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.
2. Các khoản phải thu
Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
 - Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
3. Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh tính trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty chuyển sang cổ phần.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác: Chi phí quảng cáo, bảo hiểm được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

9. Vốn chủ sở hữu

- **Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.
- **Thặng dư vốn cổ phần:** Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
- **Cổ phiếu quỹ:** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".
- **Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:** được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- **Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp** có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng



Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:
 - Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
 - Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
 - Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
 - Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
 - Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ - VND	68.760.317	7.040.336
Tiền gửi ngân hàng - VND	7.415.397.369	7.755.383.021
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng - VND	4.500.000.000	-
Cộng	11.984.157.686	7.762.423.357

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Tuy Hòa	32.499.347.897	41.315.710.774
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch	1.082.095.151	-
Các khách hàng khác	5.709.684.102	3.466.218.637
Cộng	39.291.127.150	44.781.929.411

Công ty không phát sinh công nợ với các bên liên quan.

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	5.000.000	-
Quỹ lương chi vượt	1.804.798.746	-	4.074.660.467	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	131.553.584	-
Các khoản khác	28.455.650	-	2.758.346	-
Cộng	1.833.254.396	-	4.213.972.397	-

4. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu của khách hàng				
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	11.482.162.000	-	20.358.071.030	-
Khách hàng khác	2.240.243.522	(145.576.725)	689.238.084	(145.576.725)
Cộng	13.722.405.522	(145.576.725)	21.047.309.114	(145.576.725)

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán (chủ yếu là các khách hàng sử dụng vốn ngân sách nhà nước đang chờ quyết toán để thanh toán tiền dịch vụ của Công ty). Do vậy, một số khoản công nợ phải thu theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty không cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trong đó: Khoản phải thu từ các Dự án thực hiện - Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên chưa được trích lập dự phòng là do Ủy ban đang trình duyệt chi ngân sách có kế hoạch trả trong năm tiếp theo, tính đến ngày lập báo cáo, Công ty đã thu hồi được 5.000.000.000 VND trong tổng số dư Nợ quá hạn phải thu tại 31/12/2017.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu quá hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Số dư đầu năm	145.576.725	145.576.725
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	145.576.725	145.576.725

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí bảo hiểm	193.173.718	650.219.880
Lệ phí đường bộ	65.391.000	53.413.000
Chi phí khác	302.010.728	6.637.000
Cộng	560.575.446	710.269.880



6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.974.349.797	-	2.817.009.947	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	3.576.870.904	-	2.829.456.895	-
Thành phẩm	30.761.924	-	63.510.508	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	5.581.982.625	-	5.709.977.350	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2017	14.279.730.622	10.444.175.143	15.004.808.638	179.507.766	39.908.222.169
Mua sắm mới	-	932.636.364	8.031.818.182	-	8.964.454.546
Kết chuyển từ XDCB	-	-	12.790.909	-	12.790.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2017	14.279.730.622	11.376.811.507	23.049.417.729	179.507.766	48.885.467.624
Trong đó:					
Đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	2.676.956.299	9.764.204.546	2.158.295.143	130.007.766	14.729.463.754
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2017	11.141.995.839	8.219.213.848	14.191.042.553	161.239.909	33.713.492.149
Trích khấu hao	733.366.711	1.245.476.106	1.409.872.505	16.500.000	3.405.215.322
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2017	11.875.362.550	9.464.689.954	15.600.915.058	177.739.909	37.118.707.471
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2017	3.137.734.783	2.224.961.295	813.766.085	18.267.857	6.194.730.020
Tại 31/12/2017	2.404.368.072	1.912.121.553	7.448.502.671	1.767.857	11.766.760.153

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Chi mua sắm TSCĐ	359.971.819	12.790.909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.255.307.124	-
Cộng	1.615.278.943	12.790.909

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Lợi thế kinh doanh được tính trong giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	150.118.143	300.238.143
Cộng	150.118.143	300.238.143

10. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	1.607.500.000	1.607.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu - Dầu khí Phú Yên	162.304.293	162.304.293	179.939.550	179.939.550
Công ty TNHH SXKD Tư vấn Hỗ trợ Doanh nghiệp	110.050.000	110.050.000	545.660.400	545.660.400
Các nhà cung cấp khác	333.309.000	333.309.000	34.846.034	34.846.034
Cộng	2.213.163.293	2.213.163.293	760.445.984	760.445.984



11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải thu/ được khấu trừ	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu/ được khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	484.116.345	4.147.445.713	(3.835.375.598)	-	795.186.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.155.071.830	981.378.935	(2.435.071.830)	298.621.065	-
Thuế thu nhập cá nhân	507.000	-	33.652.099	(29.029.258)	-	4.115.841
Tiền thuế đất, thuế đất	-	-	321.868.029	(321.868.029)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	507.000	1.639.188.175	5.487.344.776	(6.624.344.715)	298.621.065	800.302.301

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty như sau:

- Lệ phí đất an táng và cải táng, lệ phí đất sanh phần, cho thuê xe tang, lệ phí nhà vệ sinh, dịch vụ cây xanh và chiếu sáng	Không chịu thuế
- Cây xanh và cỏ	5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.10 và thuyết minh VI.5.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2017	Năm 2016
Số dư tại ngày 01/01/2017	(131.553.584)	(219.497.844)
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.903.950.709	460.575.460
Chi khen thưởng, phúc lợi	(649.591.585)	(372.631.200)
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.122.805.540	(131.553.584)

13. Vốn chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	61.430.000.000	348.212.035	12.171.311.523	73.949.523.558
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	5.847.756.709	5.847.756.709
Trích quỹ	-	286.469.444	(747.044.904)	(460.575.460)
Chi cổ tức	-	-	(11.424.266.619)	(11.424.266.619)
Tại ngày 31/12/2016	61.430.000.000	634.681.479	5.847.756.709	67.912.438.188
Tại ngày 01/01/2017	61.430.000.000	634.681.479	5.847.756.709	67.912.438.188
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	6.235.917.742	6.235.917.742
Trích quỹ	-	-	(3.943.806.000)	(3.943.806.000)
Chi cổ tức	-	-	(1.903.950.709)	(1.903.950.709)
Tại ngày 31/12/2017	61.430.000.000	634.681.479	6.235.917.742	68.300.599.221

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 02 tháng 01 năm 2014 và sau đó đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 12 tháng 11 năm 2014.

Vốn điều lệ	61.430.000.000 VND
Tổng số cổ phần	6.143.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000 VND
Số cổ phần được quyền chào bán	0



Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	91,29	56.079.000.000	91,29
Các cổ đông khác	5.351.000.000	8,71	5.351.000.000	8,71
Cộng	61.430.000.000	100,00	61.430.000.000	100,00

13c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu - Dịch vụ công cộng	40.453.428.727	40.913.675.796
Doanh thu - Dịch vụ công trình	14.693.126.359	3.539.716.420
Doanh thu - Khác	7.000.502.259	6.032.107.145
Cộng	62.147.057.345	50.485.499.361
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	62.147.057.345	50.485.499.361

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn - Dịch vụ công cộng	31.688.549.753	34.181.363.055
Giá vốn - Dịch vụ công trình	13.301.311.875	2.389.049.227
Giá vốn - Khác	2.268.219.877	1.133.628.581
Cộng	47.258.081.505	37.704.040.863

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.785.506	204.989.788
Cộng	16.785.506	204.989.788

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	4.389.065.870	3.190.741.406
Chi phí khấu hao TSCĐ	567.560.031	670.480.795
Các chi phí khác	1.421.044.800	1.655.269.997
Cộng	6.377.670.701	5.516.492.198

5. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí bảo lụt	1.307.362.332	-
Chi phí khác	6.431.636	128.608.161
Cộng	1.313.793.968	128.608.161



Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (UBND Tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	91,29	56.079.000.000	91,29
Các cổ đông khác	5.351.000.000	8,71	5.351.000.000	8,71
Cộng	61.430.000.000	100,00	61.430.000.000	100,00

13c. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.143.000	6.143.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu - Dịch vụ công cộng	40.453.428.727	40.913.675.796
Doanh thu - Dịch vụ công trình	14.693.126.359	3.539.716.420
Doanh thu - Khác	7.000.502.259	6.032.107.145
Cộng	62.147.057.345	50.485.499.361
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-

Doanh thu thuần

62.147.057.345 **50.485.499.361**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn - Dịch vụ công cộng	31.688.549.753	34.181.363.055
Giá vốn - Dịch vụ công trình	13.301.311.875	2.389.049.227
Giá vốn - Khác	2.268.219.877	1.133.628.581
Cộng	47.258.081.505	37.704.040.863

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.785.506	204.989.788
Cộng	16.785.506	204.989.788

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	4.389.065.870	3.190.741.406
Chi phí khấu hao TSCĐ	567.560.031	670.480.795
Các chi phí khác	1.421.044.800	1.655.269.997
Cộng	6.377.670.701	5.516.492.198

5. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí bảo lự	1.307.362.332	-
Chi phí khác	6.431.636	128.608.161
Cộng	1.313.793.968	128.608.161



8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.081.492.526	11.089.178.773
Chi phí nhân công	26.127.729.659	25.572.966.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.405.215.322	3.806.980.804
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.330.884.702	2.379.132.665
Chi phí khác bằng tiền	3.440.879.033	2.502.304.294
Cộng	54.386.201.242	45.350.563.108

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

- Dịch vụ công cộng: bao gồm dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh và điện chiếu sáng;
- Dịch vụ công trình: bao gồm trồng và chăm sóc cây xanh, lắp đặt và tháo dỡ hệ thống điện chiếu sáng của các công trình.
- Sản phẩm và dịch vụ khác: bao gồm sản xuất và bán cây xanh, cộ đẩy rác, các sản phẩm phục vụ mai táng, dịch vụ phục vụ mai táng, dịch vụ vệ sinh, chăm sóc cây xanh...

Công ty không theo dõi riêng tài sản và nợ phải trả cho từng bộ phận nên không trình bày tài sản và nợ phải trả của từng lĩnh vực hoạt động.

	Dịch vụ công cộng	Dịch vụ công trình	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng cộng
Doanh thu thuần	40.453.428.727	14.693.126.359	7.000.502.259	-	62.147.057.345
Doanh thu tài chính	-	-	-	16.785.506	16.785.506
Thu nhập khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000
Tổng doanh thu và Thu nhập khác	40.453.428.727	14.693.126.359	7.000.502.259	19.785.506	62.166.842.851
	Dịch vụ công cộng	Dịch vụ công trình	Sản phẩm và dịch vụ khác	Phần quản lý chung	Tổng cộng
Giá vốn hàng bán	31.688.549.753	13.301.311.875	2.268.219.877	-	47.258.081.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	6.377.670.701	6.377.670.701
Chi phí khác	-	-	-	1.313.793.968	1.313.793.968
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	31.688.549.753	13.301.311.875	2.268.219.877	7.691.464.669	54.949.546.174
Lợi nhuận trước thuế TNDN	8.764.878.974	1.391.814.484	4.732.282.382	(7.671.679.163)	7.217.296.677

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Cổ đông lớn, sở hữu 91,29% vốn chủ sở hữu Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

2a. Các giao dịch

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)		
Trả cổ tức	3.600.271.800	9.429.109.865
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng		
Lương, thưởng, thù lao theo Quy chế	821.800.000	1.300.400.000
Trả cổ tức	52.194.600	120.981.000

Số dư phải thu / (phải trả): tại ngày 31/12/2017 không phát sinh số dư với các bên liên quan

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Công ty căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 002/2017/BCTC-FACNT ngày 10 tháng 02 năm 2017 do Công ty TNHH Kiểm toán FAC phát hành.



3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ giao dịch tiền gửi.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khách hàng lớn của Công ty là Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương và các Ban quản lý dự án xây dựng của Nhà nước tại địa phương, Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực công cộng cho các khách hàng này, nên rủi ro tín dụng tập trung chủ yếu vào các khách hàng này. Các khách hàng này sẽ được ngân sách cấp vốn để thanh toán cho dịch vụ Công ty và Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khách hàng này là thấp.

Đối với các của các khách hàng khác, Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, nên rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:



	Dưới 1 năm	Từ 1 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán	760.445.984	-	-	760.445.984
Chi phí phải trả	70.948.182	-	-	70.948.182
Các khoản phải trả khác	59.750.100	-	-	59.750.100
	891.144.266	-	-	891.144.266
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán	2.213.163.293	-	-	2.213.163.293
Chi phí phải trả	55.000.000	-	-	55.000.000
Các khoản phải trả khác	69.831.754	-	-	69.831.754
	2.337.995.047	-	-	2.337.995.047

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		01/01/2017		31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.984.157.686	-	7.762.423.357	-	11.984.157.686	7.762.423.357
Phải thu khách hàng	39.291.127.150	(145.576.725)	44.781.929.411	(145.576.725)	39.145.550.425	44.636.352.686
Phải thu khác	28.455.650	-	2.758.346	-	28.455.650	2.758.346
Cộng	51.303.740.486	(145.576.725)	52.547.111.114	(145.576.725)	51.168.163.761	52.401.534.389

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	Phải trả người bán	2.213.163.293	760.445.984	2.213.163.293
Chi phí phải trả	55.000.000	70.948.182	55.000.000	70.948.182
Các khoản phải trả khác	69.831.754	59.750.100	69.831.754	59.750.100
Cộng	2.337.995.047	891.144.266	2.337.995.047	891.144.266

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu của khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

5a. Đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 321/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 08 tháng 5 năm 2017.

Vốn điều lệ	61.430.000.000 VND
Tổng số cổ phần	6.143.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	10.000 VND
Số cổ phần được quyền chào bán	0



5b. Ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo công văn số 466/CT-TTHT ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Cục thuế tỉnh Phú Yên: Đối với hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường (thu gom rác thải không độc hại, mã ngành 3811; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, mã ngành 3821; vận chuyển chất thải, rác thải, mã ngành 4933 được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động; Miễn giảm thuế 04 năm, giảm 50% trong 05 năm tiếp theo. Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ 01/01/2015 nên Công ty được miễn giảm cho thời gian còn lại như sau: Miễn thuế 03 năm kể từ năm 2015, giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Khoản miễn giảm thuế TNDN năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo tài chính trong năm. Riêng các khoản thuế TNDN miễn giảm ước tính cho 2 năm 2015 và năm 2016 sẽ được ghi nhận hoặc hồi tố vào báo cáo tài chính khi có quyết định chính thức của Cơ quan thuế.



NGUYỄN THỊ ĐÀO TRÂM
Người lập biểu



ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN
Kế toán trưởng



HUYNH KIM TOÀN
Tổng Giám đốc
Phú Yên, ngày 07 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN



Huỳnh Kim Hoàn

Phú yên, ngày 05 tháng 04 năm 2018